

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 21/02/2022
V/v tranh chấp về nghĩa vụ dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Minh.

2. Bà Cao Thị Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-DS ngày 29/7/2021, về việc: “Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 24/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 10/01/2022; Thông báo hoãn phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH QT.

Địa chỉ: Lô E2/1 khu dân cư X, xã HT, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Do ông Trần Thanh H – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Xuân K – Sinh năm 1961. Địa chỉ: 161/13 đường NH, khu phố 1, phường PT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Huỳnh Văn K – Sinh năm 1998. Địa chỉ: Lô E2/1 khu dân cư X, xã HT, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn 3, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 7, phường ĐT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: thôn 3, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân K, ông Huỳnh Văn K.

Vắng mặt: Ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/6/2021; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 02/11/2021, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH QT do người đại diện theo ủy quyền là các ông Nguyễn Xuân K và ông Huỳnh Văn K trình bày: Công ty TNHH QT (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông Nguyễn Văn B có quan hệ mua bán vật liệu xây dựng với nhau, Công ty là bên bán và ông B là bên mua. Việc mua bán diễn ra từ ngày 12/3/2016 đến ngày 16/12/2017, tổng cộng là 189 lần, tương ứng với số tiền 1.716.047.560 đồng. Ông Nguyễn Văn B đã thanh toán được 1.519.075.800 đồng, hiện còn nợ Công ty số tiền là 196.971.760 đồng. Ngày 31/12/2020, Công ty và ông B có lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó ông B thừa nhận còn nợ Công ty số tiền là 196.971.760 đồng. Sau khi xác nhận nợ thì ông B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty theo như cam kết, Công ty đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông B trả nợ nhưng đến nay ông B vẫn chưa trả tiền nợ cho Công ty. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông B và bà Trương Thị Ngọc L (vợ ông B) cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty các khoản tiền, như sau:

- Tiền nợ gốc là 196.971.760 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử 21/02/2022, tương ứng là 01 năm 01 tháng 21 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là 22.471.869 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 219.443.629 đồng.

Tại bản khai ngày 17/9/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông làm nghề lái xe, trước đây ông có đại lý bán vật liệu xây dựng. Giữa ông và Công ty TNHH QT có làm ăn mua bán với nhau. Ông mua vật liệu xây dựng của QT về để bán lại cho các công trình để hưởng chênh lệch. Việc mua bán diễn ra từ ngày 12/3/2016 đến ngày 16/12/2017, ông mua nhiều lần, tương ứng với số tiền 1.716.047.560 đồng. Đồng thời, ông chạy xe chở cát để cân trừ qua số tiền ông mua vật liệu xây dựng, và đã cân trừ được 1.519.075.800 đồng, hiện còn nợ Công ty số tiền là 196.971.760 đồng. Lý do ông không trả được số nợ trên là do Công

ty QT ngưng không lấy cát của ông nữa nên ông không cản trừ tiền được, mặc khác, do tình hình covid 19 nên kinh tế khó khăn, không buôn bán cũng không làm ăn được gì nên ông không có khả năng trả nợ. Hai bên đã thực hiện đối chiếu công nợ vào ngày 31/12/2020, ông xác nhận còn nợ của Công ty TNHH QT (gọi tắt là Công ty QT) số tiền 196.971.760 đồng. Nay theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH QT, ông chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 196.971.760 đồng, ông không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Ngọc L vắng mặt từ giai đoạn thụ lý cho đến khi chuẩn bị xét xử nên không có bản khai.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Ngọc L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH QT yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Ngọc L (vợ ông B) phải trả cho Công ty số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, có bảng đối chiếu công nợ thừa nhận của các bên. Đây là tranh chấp về nghĩa vụ dân sự. Bị đơn trú tại thôn 3, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Ngọc L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Ngọc L (vợ ông B) cùng có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 196.971.760 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021

đến ngày xét xử 21/02/2022, tương ứng là 01 năm 01 tháng 21 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là 22.471.869 đồng; Tổng cộng gốc và lãi là 219.443.629 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa Công ty TNHH QT và ông Nguyễn Văn B có quan hệ mua bán vật liệu xây dựng với nhau, Công ty là bên bán và ông B là bên mua. Việc mua bán diễn ra từ ngày 12/3/2016 đến ngày 16/12/2017, các bên không lập hợp đồng mua bán cụ thể từng lần mà chỉ trên cơ sở bên mua mua hàng, còn bên bán sẽ xuất hàng và tính toán số tiền vật liệu là bao nhiêu từ đó làm cơ sở để bên mua thanh toán tiền cho bên bán. Tại Bảng chi tiết công nợ phải thu của Công ty TNHH QT thể hiện, từ ngày 12/3/2016 đến ngày 16/12/2017, ông Nguyễn Văn B có mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH QT nhiều lần, tương ứng với số tiền 1.716.047.560 đồng. Ông Nguyễn Văn B đã thanh toán được 1.519.075.800 đồng, số tiền còn nợ là 196.971.760 đồng. Ngày 31/12/2020, Công ty và ông B có lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó ông B thừa nhận còn nợ Công ty số tiền là 196.971.760 đồng. Như vậy, việc mua bán vật liệu xây dựng của hai bên đã chấm dứt, lần bán hàng cuối cùng là ngày 16/12/2017. Các bên đã thanh lý xong hợp đồng mua bán và tiến hành xác nhận nợ bằng Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2020. Do ông B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về nghĩa vụ dân sự. Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Văn B cũng xác nhận hiện còn nợ của Công ty TNHH QT số tiền 196.971.760 đồng. Ông cũng đồng ý trả số nợ trên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 196.971.760 đồng là hoàn toàn có căn cứ, nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhận thấy: Giữa các bên có lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử 21/02/2022, tương ứng là 01 năm 01 tháng 21 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là 22.471.869 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn B nêu lý do không đồng ý trả lãi vì “giữa ông và QT có thỏa thuận đối lưu, ông chở cát cho QT, rồi QT bán vật liệu xây dựng cho ông, có lúc ông bán cát cho QT dư tiền thời gian rất lâu ông cũng đâu tính lãi”. Xét thấy, việc ông B chở cát để cân trừ tiền mua vật liệu xây dựng với nguyên đơn đã diễn ra trong khoảng thời gian mua bán trước đây, các bên đã tiến hành tính toán xong và đã chốt số tiền còn nợ theo như biên bản đối chiếu công nợ ngày

31/12/2020. Mặt khác, ngoài lời trình bày trên thì ông không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến của mình. Do đó, không có căn cứ xem xét chấp nhận ý kiến của ông B.

Về trách nhiệm trả tiền, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Ngọc L (vợ ông B) cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông B có vợ tên là Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1983, trong thời gian này hôn nhân của ông B và bà Linh đang tồn tại (ông B và bà Linh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ngày 08/6/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 037, quyển số 01/10). Ông Nguyễn Văn B có nghề nghiệp là chạy xe tải, gia đình ông có đại lý bán vật liệu xây dựng, mục đích mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH QT là để về bán lại cho những nơi có nhu cầu để hưởng tiền chênh lệch, mục đích sinh lời cho gia đình. Đây là một trong những nguồn thu nhập của gia đình ông B, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông B khai về việc làm ăn giữa ông và Công ty QT vợ ông đều biết. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với ông Nguyễn Văn B là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 27, Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty TNHH QT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH QT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 14 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 27, Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH QT.

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Ngọc L phải trả cho Công ty TNHH QT số tiền gốc là 196.971.760 đồng và lãi là 22.471.869 đồng; Tổng cộng gốc và lãi là 219.443.629 đồng (hai trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Công ty TNHH QT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH QT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.298.000đ (bảy triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001891 ngày 29/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Ngọc L phải chịu 10.972.000đ (mười triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2022). Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện HTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

